

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - HÀ NỘI**

Bản án số: 335/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 05-6-2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Độ

Bà Phạm Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2026/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tô Thị M, sinh năm 1989, CCCD:

Nơi thường trú: Thôn A, xã H, thành phố Hà Nội; *xin xét xử vắng mặt*

Người đại diện theo uỷ quyền nộp đơn khởi kiện và nhận văn bản tố tụng tại Tòa án cho chị Tô Thị M:

+ Anh Nguyễn Hữu Thái S, sinh năm 2003, địa chỉ: Thôn C, xã V, thành phố Hà Nội; *vắng mặt*

+ Anh Đào Dương P, sinh năm 2002; nơi thường trú: P28 B18 Nam T, phường L, thành phố Hà Nội; *vắng mặt*

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình V, sinh năm 1987. CCCD:

Nơi thường trú: Thôn A, xã H, thành phố Hà Nội; *vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo của nguyên đơn là chị Tô Thị M trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình V có tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08/10/2013 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện H, thành phố Hà Nội (nay là xã H, thành phố Hà Nội) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 43/2013, quyển số 01/2013. Sau khi kết hôn, chị và anh V chung sống cùng nhau một thời gian đến năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị và anh V chủ yếu xuất phát từ những bất đồng về quan điểm sống, cả hai không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra tranh cãi, to tiếng với nhau. Chị và anh V không có sự thấu hiểu, đồng cảm với nhau khiến tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên phai nhạt. Trong suốt thời gian mâu thuẫn, chị và anh V đã nhiều lần thương lượng, hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Gia đình hai bên nội, ngoại cũng đã cố gắng tìm cách khuyên bảo vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng vẫn không có kết quả. Đồng thời, chị cũng đã rất nhiều lần chủ động trao đổi, đề nghị anh V hợp tác làm thủ tục thuận tình ly hôn nhưng anh V không phối hợp để làm hồ sơ. Chị và anh V đã sống ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2025 cho đến nay, hiện cả hai không còn quan tâm, hỏi han đến cuộc sống của nhau. Tình trạng hôn nhân của chị với anh V đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, do đó, chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hà Nội giải quyết cho chị được ly hôn với anh V để ổn định cuộc sống cho cả hai.

2. Về con chung: Chị và anh V có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Linh A, sinh ngày 02/08/2014 và Nguyễn Thu T, sinh ngày 28/02/2019. Nay ly hôn, để đảm bảo cho hai cháu có điều kiện học tập và phát triển đầy đủ, chị đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Linh A cho anh Nguyễn Đình V trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành. Đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Thu T cho chị trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con đối với cháu T. Anh chị mỗi người nuôi một con chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp hai bên gia đình: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong vụ án này.

* Bị đơn là anh Nguyễn Đình V đã được Tòa án đến nhà tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng và giấy triệu tập cho anh V. Tại nhà anh V, Tòa án đã giải thích quyền và nghĩa vụ tố tụng nhưng anh V chỉ nhận văn bản, không trình bày ý kiến của mình về quan điểm giải quyết vụ án và không đến Tòa án làm việc theo các Thông báo, giấy triệu tập. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của anh V về quan điểm trình bày vụ án.

* Bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà là mẹ đẻ anh V, năm 2013 anh V và chị M kết hôn. Sau khi cưới, anh V và chị M ở riêng ngay đằng sau nhà bà ở thôn A, xã H, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống do bà không ở chung nên không biết anh V, chị M mâu thuẫn vợ chồng cụ thể như thế nào bà không biết. Tuy nhiên, chị M đã dẫn cháu Nguyễn Thu T về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 9/2025 cho đến nay. Hiện nay bà đang cùng anh V nuôi dưỡng, chăm sóc cháu

Nguyễn Linh A ở nhà bà, cháu Linh A đang học tại trường Trung học cơ sở D. Chị M có đơn ly hôn với anh V thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp phải ly hôn, bà có nguyện vọng cùng anh V được nuôi cháu Linh A để cháu tiếp tục sinh sống, học tập ổn định tại nhà bà, bà vẫn hỗ trợ anh V chăm sóc các cháu đến khi trưởng thành.

* Chính quyền địa phương cung cấp: Năm 2013 anh V và chị M kết hôn và sinh sống tại địa phương. Chị M đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 9/2025 đến nay. Chị M và anh V đang sống ly thân. Chị M có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Tô Thị M. Chị Tô Thị M được ly hôn anh Nguyễn Đình V. Về con chung: Chị M và anh V có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Linh A, sinh ngày 02/08/2014 và Nguyễn Thu T, sinh ngày 28/02/2019. Giao cháu Nguyễn Linh A cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giáo cháu Nguyễn Thu T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ, công sức đóng góp hai bên gia đình: Không giải quyết. Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Tô Thị M xin ly hôn anh Nguyễn Đình V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã H, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hà Nội thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hà Nội đã thụ lý vụ án theo đơn xin ly hôn của chị M và đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật đối với các bên đương sự trong vụ án. Anh V đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh V theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa chị Tô Thị M và anh Nguyễn Đình V xác lập trên cơ sở kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện H (nay là UBND xã H), thành phố Hà Nội ngày 08/10/2013 nên xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ trình bày của các bên đương sự, cũng như kết quả điều tra, xác minh thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị M, anh V chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thể tìm được tiếng nói chung, mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện, không thể hàn gắn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và đã sống ly thân từ tháng 9/2025 cho đến nay. Như vậy, có cơ sở để xác định quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh V đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, cho chị M được ly hôn với anh V là đúng với quy định Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị M và anh V có 02 con chung là cháu Nguyễn Linh A, sinh ngày 02/08/2014 và Nguyễn Thu T, sinh ngày 28/02/2019. Cháu Linh A hiện nay đang ở với anh V, cháu T đang ở với chị M. Anh V và gia đình có nguyện vọng được nuôi cháu Linh A. Chị M có nguyện vọng muốn nuôi cháu Thu T. Xét thấy, kể từ khi chị M và anh V sống ly thân, cháu Linh A sống ở với anh V ở thôn Á, xã H, thành phố Hà Nội và đang đi học tại trường Trung học cơ sở D, cháu Thu T đang ở cùng với chị M khoẻ mạnh. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của các cháu. Căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Linh A cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Thu T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng tại thời điểm này là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị M và anh V mỗi người nuôi một con nên không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị M và anh V cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp của hai bên gia đình: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung trong vụ án này. Hồ sơ không có ý kiến của anh V về các quan hệ này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Tô Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Chị Tô Thị M và anh Nguyễn Đình V có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của chị Tô Thị M.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tô Thị M được ly hôn anh Nguyễn Đình V.

1.2. Về con chung: Chị Tô Thị M được ly hôn anh Nguyễn Đình V có 02 con chung là cháu Nguyễn Linh A, sinh ngày 02/08/2014 và Nguyễn Thu T, sinh ngày 28/02/2019.

Giao cháu Nguyễn Linh A cho anh Nguyễn Đình V trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thu T cho chị Tô Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Linh A và cháu Thu T đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

Chị M và anh V đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị M và anh V cho đến khi có yêu cầu mới hoặc khi có quyết định khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp của hai bên gia đình: Không giải quyết.

2. Về án phí:

Chị Tô Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000043 ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Tô Thị M, anh Nguyễn Đình V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – Hà Nội;
- THADS TP Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND xã Hoài Đức, TP Hà Nội;
- (số 043/2013, ngày 08/10/2013)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An

